

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Thành phố Q- tỉnh BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 14/2019/KDTM-ST

Ngày:24-4-2019

V/v hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Đông Thiên
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Bà Hoàng Thị Thành
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Trọng Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q
- ***Đại diện VKSND thành phố Q:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2018/TLST-DS ngày 13.8.2018 về việc tranh chấp “ hợp đồng tín dụng ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-ST ngày 01.3.2019 giữa:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 130 đường P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền Ông Trần Đình T1 - Giám đốc phòng giao dịch P, Chi nhánh Bình Định.

(Theo Quyết định ủy quyền số: 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016; Số 899/ QĐ-DAB-PC ngày 21/5/2016; Số 361/QĐ-BĐH, ngày 20/3/2018).

Địa chỉ: Tổ A, KV B, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

* **Bị đơn** : Bà Đỗ Thị T2 - Sinh năm 1956

Địa chỉ: Xóm C, thôn L, xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1.Chị Nguyễn Thị Bích H - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm C, thôn L, xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2.Chị Nguyễn Thị Bích P - SN: 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.Chị Hồ Thị Liệu - SN: 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Anh T1 có mặt; bị đơn bà T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, chị P, Chị L vắng mặt; trong đó chị P, Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14.6.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn anh Trần Đình T1 trình bày:

Ngày 18/7/2014, bà Đỗ Thị T2 có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Định, phòng giao dịch P số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 12%, tài sản đảm bảo: tín chấp, mục đích vay vốn: buôn bán nhỏ, phương thức trả nợ: trả vốn và lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối trả 400.000 đồng, theo hợp đồng số: 0129710901T14005, ngày 18/7/2014. Tổng cộng, bà Thanh phải trả 22.400.000 đồng (tiền gốc: 20.000.000 đồng, tiền lãi: 2.400.000 đồng). Tính tới thời điểm ngày 20/7/2015, bà Đỗ Thị T2 đã trả được 12.000.000 đồng (Trong đó, tiền vốn: 9.753.845 đồng, tiền lãi: 2.246.155 đồng). Hiện nay, khoản vay vốn trên của bà T2 đã quá thời hạn thanh toán, ngân hàng nhiều lần thông báo nhưng bà T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của mình. Nay ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà T2 phải trả toàn bộ số tiền vốn gốc và lãi vay, **tính đến ngày 24.4.2019 là 17.683.330 đồng (Trong đó, tiền vốn: 10.246.155 đồng, tiền lãi trong hạn: 153.845 đồng, tiền lãi quá hạn: 7.283.330 đồng) và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 24.4.2019 đến ngày bà T2 trả hết nợ được tính theo lãi suất quá hạn theo quy định hợp đồng vay, nếu bà T2 không trả được nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích H (bảo lãnh) có nghĩa vụ trả nợ thay bà T2.**

** Bị đơn Bà Đỗ Thị T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích H không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Chị là Chủ tịch Hội phụ nữ xã P, thành phố Q; giữa Hội phụ nữ xã P với ngân hàng TMCP Đ có liên kết cho phụ nữ phường vay vốn hỗ trợ kinh doanh thông qua hợp đồng liên kết số 03/2014/ **HĐLK-HPN-234** ngày 20.2.2014. Hội phụ nữ xã P có xét duyệt cho bà T2 vay số tiền 20.000.000đ, còn cụ thể bà T2 trả gốc và lãi theo định kỳ ngân hàng thông qua tổ phụ nữ thôn, hiện nay bà T2 còn nợ bao

hiều chị không biết. Nay qua yêu cầu phía ngân hàng, chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L trình bày:

Chị là tổ trưởng tổ phụ nữ vay vốn tự quản thôn L thuộc Hội phụ nữ xã P, thành phố Q, thông qua quyết định thành lập tổ phụ nữ vay vốn tự quản ngày 10.6.2014. Sau khi bà T2 được hội phụ nữ xã P vay vốn và có xét duyệt cho bà T2 vay số tiền 20.000.000đ, còn cụ thể bà T2 trả gốc và lãi theo định kỳ ngân hàng thông qua tổ phụ nữ thôn và bà T2 trả được 12.000.000 đồng (Trong đó, tiền vốn: 9.753.845 đồng, tiền lãi: 2.246.155 đồng), chị trực tiếp thu và đem nộp trực tiếp cho ngân hàng. Hiện nay bà T2 còn nợ bao nhiêu gốc và lãi chị không biết. Nay qua yêu cầu phía ngân hàng, chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên Tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu bà T2 có nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 24.4.2019 là 17.683.330 đồng (Trong đó, tiền vốn: 10.246.155 đồng, tiền lãi trong hạn: 153.845 đồng, tiền lãi quá hạn: 7.283.330 đồng) và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 24.4.2019 đến khi bà T2 trả hết nợ theo hợp đồng vay. Nếu bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì buộc chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T2. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện, tại thời điểm thụ lý áp dụng Điều 26 BLTTDS-2015 xác định quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” nhưng qua lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa; căn cứ Điều 30 BLTTDS-2015 HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “hợp đồng tín dụng”

[2] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bình Định - Phòng giao dịch P (gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Đỗ Thị T2 vay số tiền số tiền

20.000.000 đồng thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 12%, tài sản đảm bảo: tín chấp, mục đích vay vốn: buôn bán nhỏ, phương thức trả nợ: trả vốn và lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối trả 400.000 đồng, theo hợp đồng số: 0129710901T14005, ngày 18/7/2014.

Từ khi vay cho đến ngày 20/7/2015, bà Đỗ Thị T2 đã trả được 12.000.000 đồng (Trong đó, tiền vốn: 9.753.845 đồng, tiền lãi: 2.246.155 đồng), sau đó bà T2 không thanh toán gốc và lãi theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T2 phải trả toàn bộ số tiền vốn gốc và lãi vay, tính đến ngày 24.4.2019 là 17.683.330 đồng (Trong đó, tiền vốn: 10.246.155 đồng, tiền lãi trong hạn: 153.845 đồng, tiền lãi quá hạn: 7.283.330 đồng) và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 24.4.2019 đến khi bà T2 trả hết nợ theo hợp đồng vay, nếu bà T2 không trả được nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích H (bảo lãnh) có nghĩa vụ trả nợ thay bà T2.

Xét yêu cầu của anh T1 là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên Tòa phát biểu về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Bà Đỗ Thị T2 phải chịu 3.000.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự - 2015

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự - 2015

Căn cứ vào các Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Buộc Bà Đỗ Thị T2 có nghĩa vụ trả số tiền là 17.683.330 đồng trong đó, tiền vốn: 10.246.155 đồng, tiền lãi trong hạn: 153.845 đồng, tiền lãi quá hạn: 7.283.330 đồng, tính đến ngày 24.4.2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Nếu bà Đỗ Thị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì chị Nguyễn Thị Bích H (người bảo lãnh) có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Đỗ Thị T2 theo cam kết trong hợp đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí KDTM sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị T2 phải chịu 3.000.000 đồng
- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 402.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000099 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Đông Thiên